FireAnt

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,190
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	363
P/E	7.0
EPS	1,438

	YTD	1T	3T	6T
C47	66.9%	3.6%	-9.1%	41.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

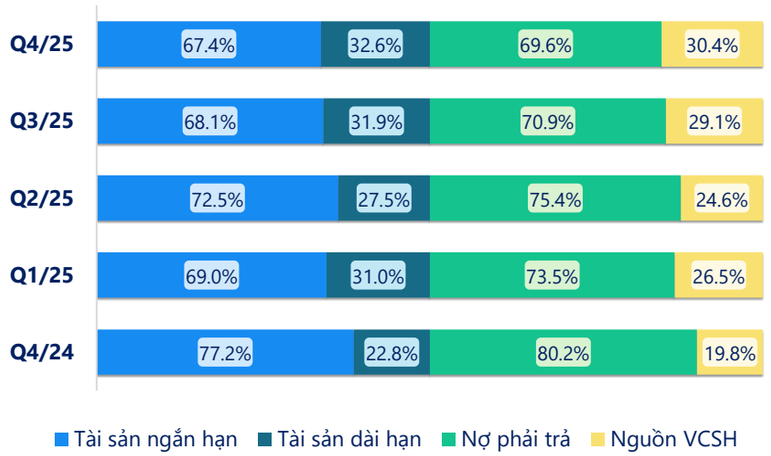

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

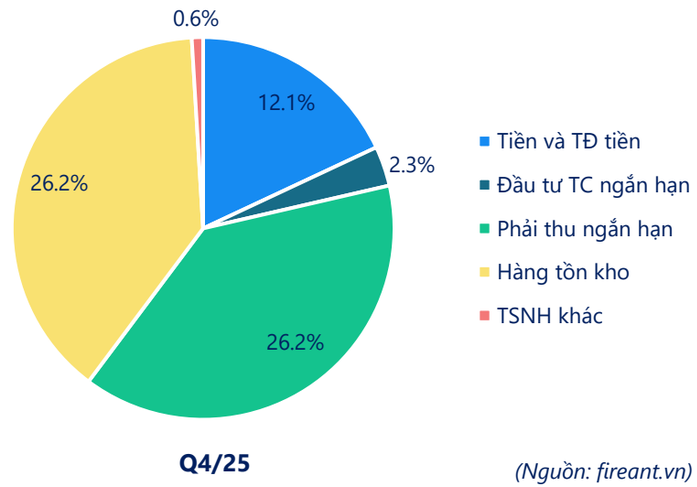

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

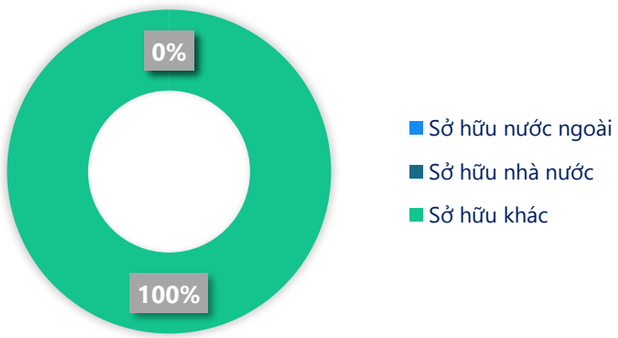

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

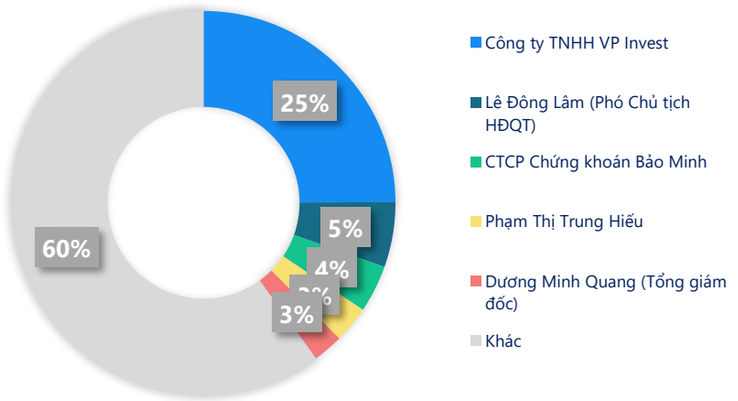

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

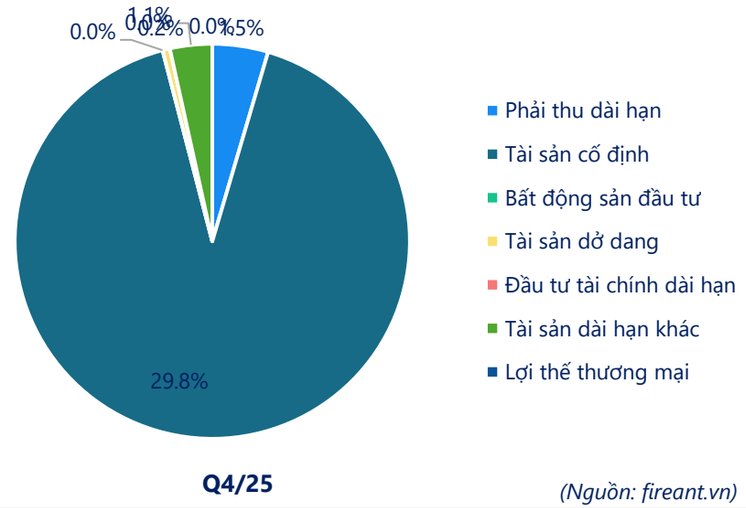

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Tiền và tương đương tiền

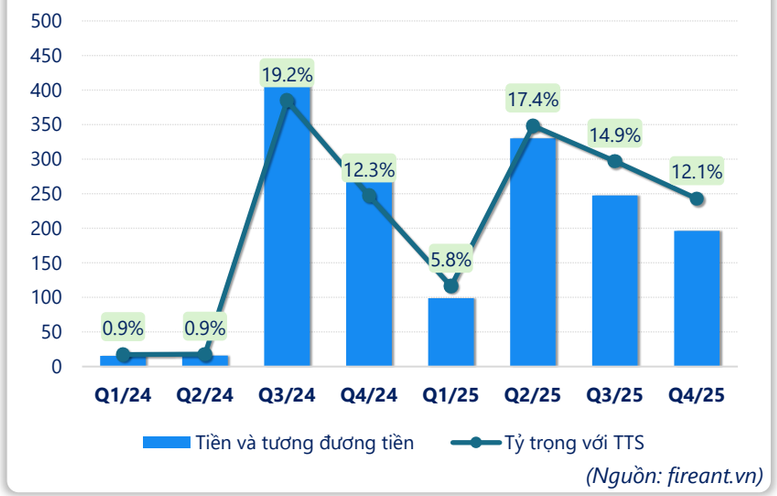

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

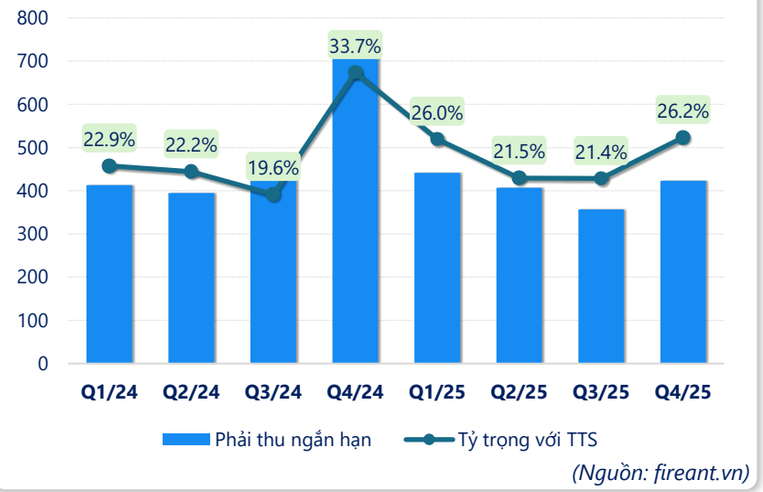

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

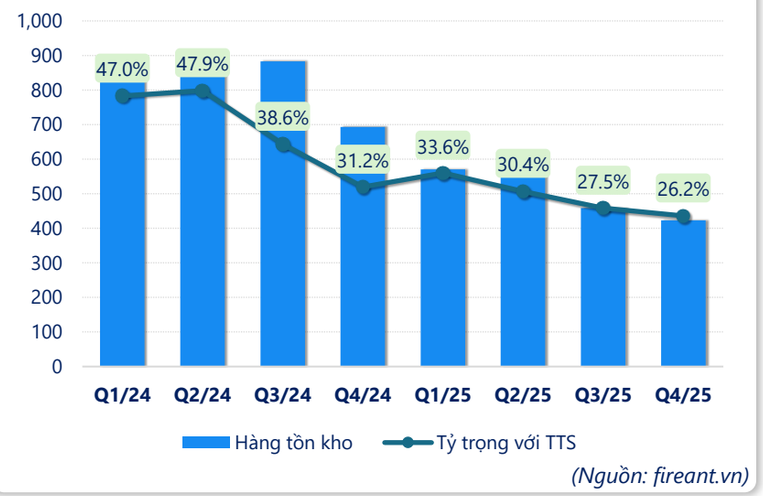

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

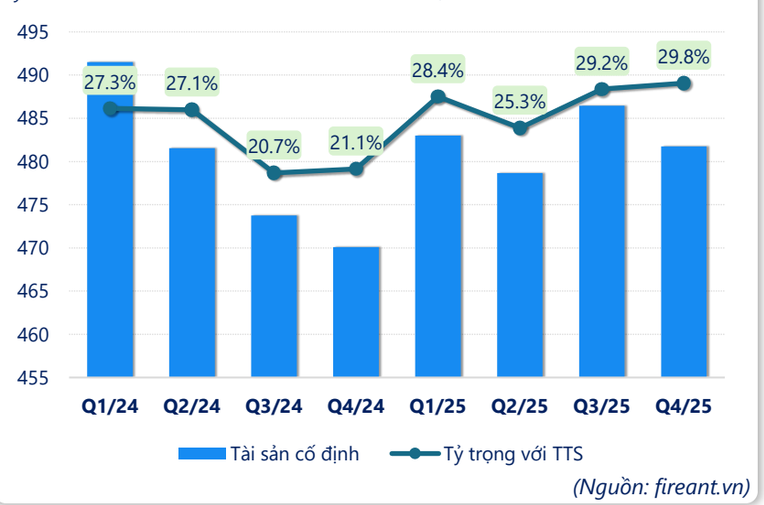

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

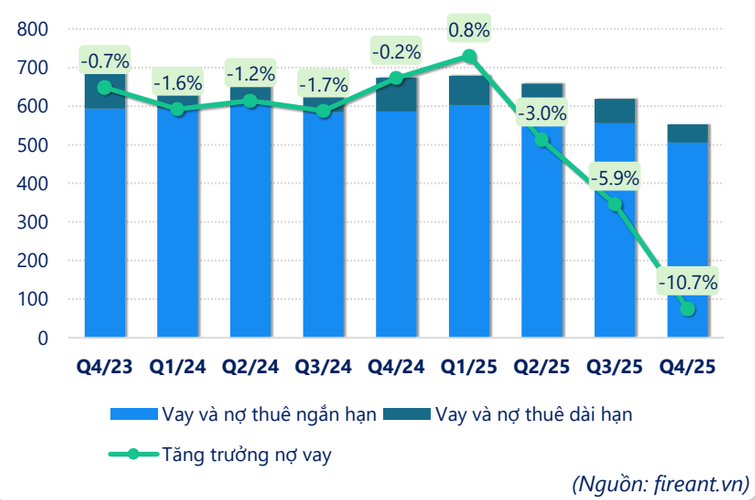

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

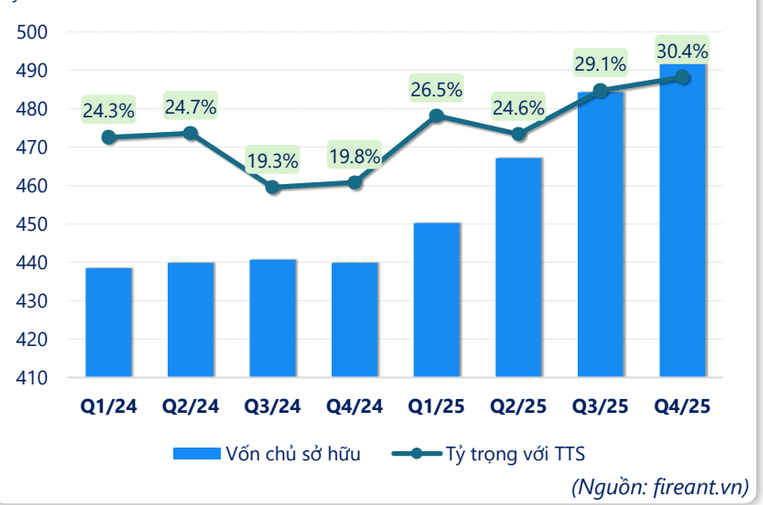

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Kết quả kinh doanh

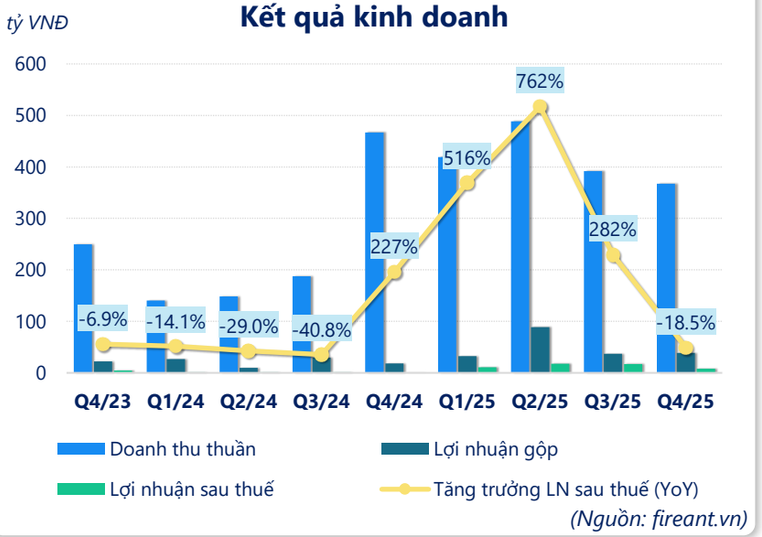

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

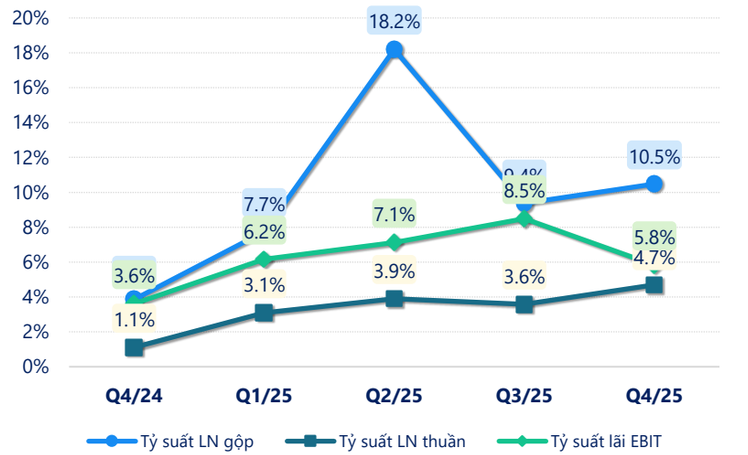

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

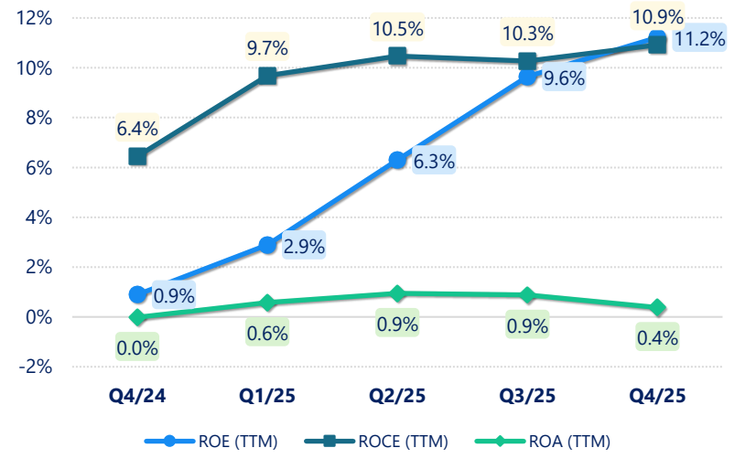

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

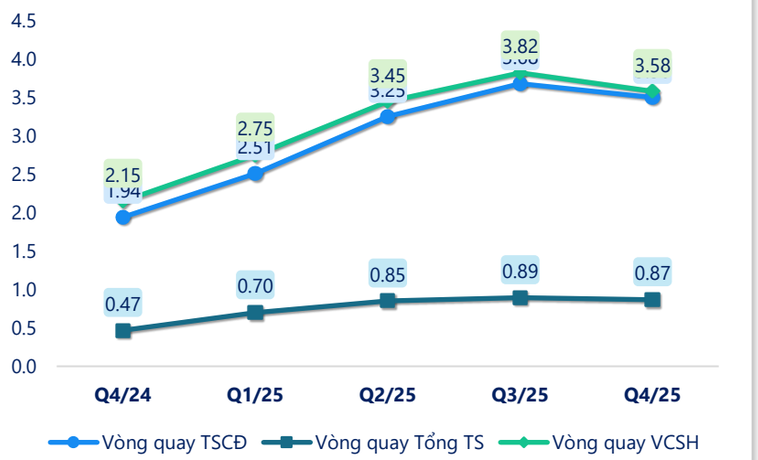

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

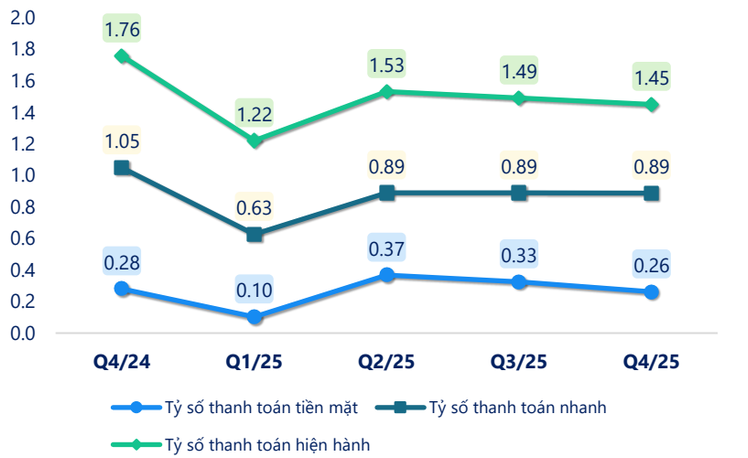

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

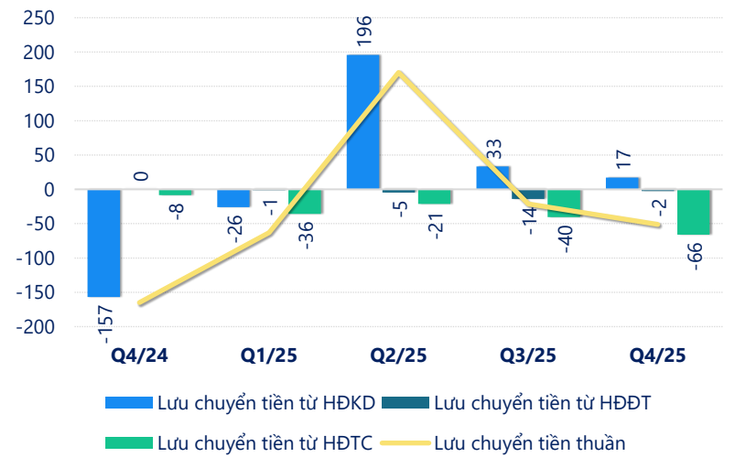

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,616**	**1,873**	**-13.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,089	1,358	-19.8%
Tiền và tương đương tiền	196	162	21.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.6	113	-67.6%
Phải thu ngắn hạn	423	390	8.4%
Hàng tồn kho	423	693	-39.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	0.13	7903%
Tài sản dài hạn	**527**	**515**	**2.4%**
Phải thu dài hạn	24.1	26.7	-9.8%
Tài sản cố định	482	470	2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.17	1.45	119%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**18.2**	**16.5**	**10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,124	1,433	-21.6%
Nợ ngắn hạn	**750**	**996**	**-24.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	506	631	-19.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	132	198	-33.6%
Nợ dài hạn	374	437	-14.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.7	61.4	-23.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**492**	**440**	**11.8%**
Vốn chủ sở hữu	**492**	**440**	**11.8%**
Vốn điều lệ	363	363	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	467	419	489	392	367
Giá vốn hàng bán	449	387	400	355	329
Lợi nhuận gộp	18.0	32.4	88.9	36.7	38.5
Doanh thu HĐTC	22.8	0.01	5.71	3.61	3.02
Chi phí TC	14.2	13.0	21.4	16.0	15.7
Chi phí lãi vay	12.7	13.0	13.2	11.5	10.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	21.5	6.48	54.2	10.3	8.51
LN thuần từ HĐKD	5.19	13.0	19.1	14.1	17.2
Lợi nhuận khác	-1.04	-0.07	2.57	7.75	-6.10
LN trước thuế	4.16	12.9	21.7	21.8	11.1
Lợi nhuận sau thuế	0.17	10.6	17.5	17.1	8.01
LNST của CĐ cty mẹ	-0.28	10.1	17.4	17.4	7.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-157	-26.1	196	33.2	17.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	-1.21	-4.56	-14.1	-2.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.50	-35.7	-21.2	-40.5	-66.1
Tiền đầu kỳ	440	162	98.7	269	248
Lưu chuyển tiền thuần	**-165**	**-62.9**	**170**	**-21.4**	**-51.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	275	98.7	269	248	196

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic